TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/*2019*/*HNGĐ - ST*

Ngày: 28/11/2019

V/v*"Tranh chấp ly hôn, con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**.

2. Bà **Đặng Thị Minh Anh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyển**- Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, TP Hà Nội: Ông **Đỗ Xuân Hưng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 524/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1991.

+ Bị đơn: Anh **Phan Văn T1**, sinh năm 1991.

Đều trú quán: Thôn X, xã VH, huyện BV, Thành phố Hà Nội.

(Chị T, anh T1 đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 08/10/2019 chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn với anh Phan Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện BV, TP. Hà Nội ngày 30/12/2011, sau khi kết hôn chị Tvà anh T1về chung sống với nhau cùng gia đình anh T1tại thôn X, xã VH, huyện BV, chị T và anh T1chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau, trong quá trình cãi nhau có xảy ra xô sát, nhiều lần anh T1đánh chị phải đi cấp cứu, cuộc sống như vậy đã kéo dài mấy năm, chị T đã cố gắng chịu đựng để mong muốn gia đình hạnh phúc, nhưng cho đến nay không thể chịu đựng được nữa, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, do vậy vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa, sống không có hạnh phúc, chị T xin được ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Mai P, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Phan Quang T2, sinh ngày 26/3/2017. Hiện cả hai cháu P, T2 đang ở với anh T1, khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Phan Thị Mai P đến trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu anh T1phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức: Không có.

+ Về công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai 11/10/2019 anh Phan Văn T1 trình bày: anh T1 kết hôn với chị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện BV ngày 30/12/2011, sau khi kết hôn anh T1và chị T về chung sống cùng gia đình anh T1 tại xã VH, huyện BV, được khoảng 05 tháng thì vợ chồng ra ở riêng tại thôn X, xã VH, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do

chị T hay vào mạng xã hội và thường xuyên liên lạc, nhắn tin, gọi điện với người đàn ông khác, vì yêu vợ nên anh T1có tính hay gen tuông, do vậy vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, anh T1có chửi và tát chị T vài cái, anh T1 đã nhận sai trái. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T1vẫn yêu thương chị T, anh T1 có nguyện vọng xin đoàn tụ để vợ chồng về chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái, trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn, anh T1 cũng không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Mai P, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Phan Quang T2, sinh ngày 26/3/2017. Hiện cả hai cháu P, T2 đang ở với anh T1, trường hợp nếu chị T kiên quyết xin ly hôn bỏ anh T1 thì anh T1 xin nhận nuôi dưỡng cả hai con Phan Thị Mai P và Phan Quang T2 đến trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T1 không yêu cầu chị Tphải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức: Không có.

+ Về công nợ chung: Anh T1không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Văn T1 vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì có quan điểm: Việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý đơn của chị Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại Điều 171 BLTTDS. Sau khi ra Quyết định xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho đương sự và Viện Kiểm sát đúng thời hạn. Tòa án đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Về hôn nhân: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh T1 đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, do vậy đại diện Viện Kiểm sát căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

đề nghị HĐXX quyết định cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Phan Văn T1 để giải phóng cho cả hai. Về con chung : Có 02 con chung là cháu Phan Thị Mai P, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Phan Quang T2, sinh ngày 26/3/2017. Hiện cả hai cháu P, T2 đang ở với anh T1, chị T có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu P, anh T1có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cả hai cháu P, T2. VKS nhân dân huyện Ba Vì nhận thấy hiện nay cháu T2 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, rất cần được sự yêu thương chăm sóc của chị T, do vậy đề nghị HĐXX giao cháu T2 cho chị T được nuôi dưỡng đến trưởng thành, giao cháu P cho anh T1được nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp, đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh T1đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy không xem xét. Về tài sản chung, riêng, công sức: chị T và anh T1 xác nhận không có. Về công nợ chung: Chị T và anh T1đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Văn T1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH ngày 30/12/2011. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 về chung sống với nhau tại nhà anh T1ở xã VH. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm cuộc sống bất đồng, không tôn trọng lẫn nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1. Về phía anh T1cũng thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian dài nhưng anh T1có nguyện vọng đoàn tụ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T và yêu cầu xin đoàn tụ của anh T1 là hợp pháp, mặc dù anh T1vẫn còn yêu thương chị T, thương các con nên anh T1mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con cái, nhưng trong quá trình chung sống, anh T1nhiều lần đánh đập, dọa lạt chị T, chỉ vì gen tuông, nhiều lần anh T1 đánh chị T dẫn đến chị T ảnh hưởng sức khỏe, nay vì lo cho sức khỏe và tính mạng của mình không

được đảm bảo, chị T kiên quyết xin ly hôn để giải phóng bản thân.Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành mở phiên hòa giải đoàn tụ cho chị T, anh T2, tại phiên hòa giải anh T1 hứa và cam đoan không đánh đập hay dọa lạt chị T nữa, mong muốn chị Tcho cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, nhưng anh T1 không có giải pháp, biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, không tạo cho chị Tđược niềm tin và độ tin tưởng, để chị T quay về chung sống với anh Thắng. Do vậy, HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho chị Tđược ly hôn anh T1là có căn cứ, đúng pháp luật. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh T1.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Mai P, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Phan Quang T2, sinh ngày 26/3/2017. Hiện cả hai cháu P, T2 đang ở với anh T1.

Xét yêu cầu của chị T xin được nuôi dưỡng cháu P đến trưởng thành, yêu cầu của anh T1 xin được nuôi dưỡng cả hai cháu P, T2 đên trưởng thành. HĐXX xét thấy chị T và anh T1đều có khả năng nuôi dưỡng con, đều đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng con. Vì lợi ích của con vì vậy, cần giao cho chị T và anh T1 mỗi người nuôi một cháu đến trưởng thành là phù hợp. Đối với cháu Phan Quang T2 hiện dưới 36 tháng tuổi, độ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu cảu người mẹ, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 quy định: *" Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng"*, do vậy giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Phan Quang T2 đến trưởng thành là có căn cứ và đúng pháp luật, giao cháu Phan Thị Mai P cho anh Phan văn T1 được nuôi dưỡng đến trưởng thành là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1, chị T đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức : Chị T và anh T1 đều xác nhận không có.

+ Về công nợ chung: Chị T và anh T1đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

1/ Xử : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Phan Văn T1. Cho chị Nguyễn Thị Thanh Thế được ly hôn anh Phan Văn Thắng.

2/ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thị Mai P, sinh ngày 26/11/2012 và cháu Phan Quang T2, sinh ngày 26/3/2017.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T được nuôi dưỡng cháu cháu Phan Quang T2, sinh ngày 26/3/2017 cho đến khi cháu Phan Quang T2 tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Giao cho anh Phan Văn T1 được nuôi dưỡng cháu Phan Thị Mai P, sinh ngày 26/11/2012cho đến khi cháu Phan Thị Mai P tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phan Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T cho đến khi chị T, anh T1có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Phan Văn T1 và Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, riêng, công sức: Không có.

4/ Về công nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Án phí : Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0009657 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

6/ Quyền kháng cáo : Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Ba Vì
- Chi cục THADS huyện Ba Vì
- Các đương sự.
- UBND xã VH.
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phúc Thịnh